

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - ST
Ngày 10 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Ông Nguyễn Minh Dương.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1985; cư trú tại: Khóm B, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Ánh L, sinh năm 1985; cư trú tại: Khóm B, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18 tháng 11 năm 2021 và biên bản hoà giải ngày 22/12/2021 nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày: Anh và chị Lê Thị Ánh L kết hôn với nhau năm 2008, trên tinh thần tự nguyện tuy nhiên không có đăng

ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm thương yêu lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Ánh L. Về con chung: Anh và chị L có 3 người con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2009; Nguyễn Lê Ánh N, sinh năm 2012 và Nguyễn Ánh V, sinh năm 2017. Hiện nay ba người con đang sống cùng vợ chồng chúng tôi. Sau khi ly hôn anh thống nhất giao ba người con lại cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 22/12/2021 bị đơn chị Lê Thị Ánh L trình bày: Chị xác định về phần hôn nhân như anh N trình bày là đúng. Chị và anh kết hôn với nhau năm 2008 tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Chị xác định trong cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thanh N. Về con chung: Chị và anh N có ba người con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2009; Nguyễn Lê Ánh N, sinh năm 2012 và Nguyễn Ánh V, sinh năm 2017. Hiện nay ba người con đang sống chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi ba người con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ánh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Anh chị xác định hiện nay vì điều kiện công việc nên anh chị đề nghị Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N và bị đơn chị Lê Thị Ánh L Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh N và chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Ánh L tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy đời sống hôn nhân của anh N và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N yêu cầu ly hôn chị L đồng ý ly hôn tuy nhiên do anh N và chị L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do đó áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Ánh L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh N và chị L có ba người con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2009; Nguyễn Lê Ánh N, sinh năm 2012 và Nguyễn Ánh V, sinh năm 2017, hiện nay đang sống cùng chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi ba người con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh N thống nhất giao ba người con lại cho chị L nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị L và theo nguyện vọng của hai con Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Lê Ánh N. Do đó, tiếp tục giao ba người con lại cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Anh N phải nộp 300.000 đồng. Anh N đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Ánh L tại phiên tòa. Áp dụng Điều 14; Điều 51; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không công nhận anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Ánh L là vợ chồng.

Giao ba người con tên Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2009; Lê Thị Ánh N, sinh năm 2012 và Nguyễn Ánh V, sinh năm 2017 hiện nay đang sống cùng chị L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị L.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Thanh N phải nộp 300.000 đồng. Anh N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019854 ngày 18/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND TT R, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

